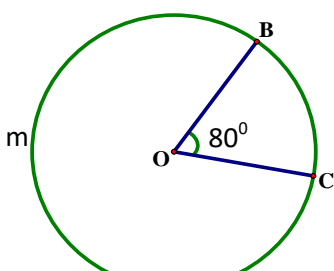
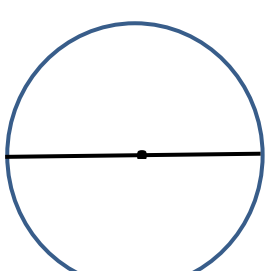
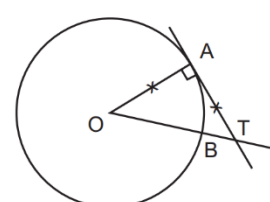
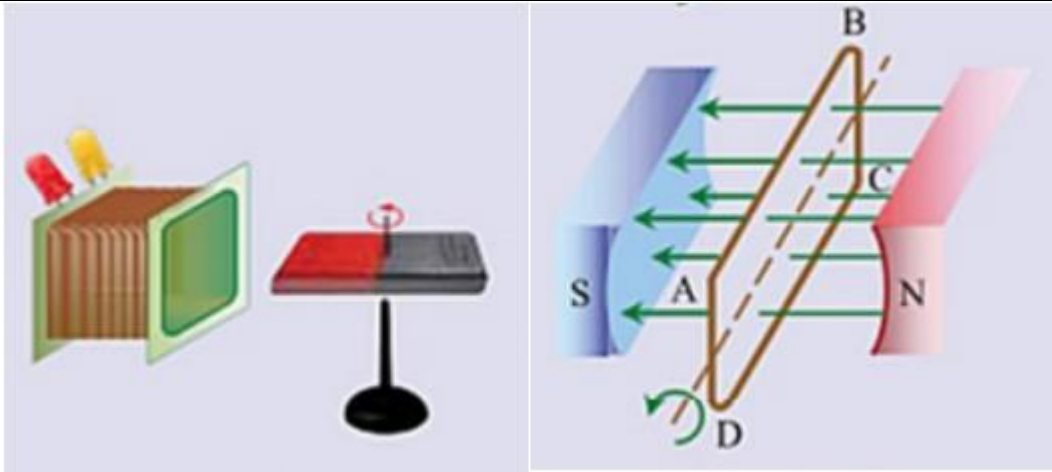


	<p>Bài 44/27 Gọi x, y lần lượt là số gam đồng và kẽm có trong vật đó ($x, y > 0$)</p> <p>Ta có hệ pt: $\begin{cases} x + y = 124 \\ \frac{10}{89}x + \frac{1}{7}y = 15 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = 89 \\ y = 35 \end{cases}$</p> <p>Vậy có 89 gam đồng và 35 gam kẽm</p> <p>Bài 46/27 Gọi x, y lần lượt là số tấn thóc mà hai đơn vị thu hoạch được trong năm ngoái ($x, y > 0$)</p> <p>Ta có hệ pt: $\begin{cases} x + y = 720 \\ \frac{115}{100}x + \frac{112}{100}y = 819 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = 420 \\ y = 300 \end{cases}$</p> <p>Vậy năm ngoái đội I thu hoạch được 420 tấn thóc, đội II thu hoạch được 300 tấn thóc Năm nay đội I thu hoạch được 483 tấn thóc, đội II thu hoạch được 336 tấn thóc</p>
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm, ...) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom, ... - GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.
<p>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp: 9</p>	<p>CHƯƠNG 3: GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN BÀI 1: GÓC Ở TÂM. SỐ ĐO CUNG</p>
<p>Hoạt động 1: Khám phá bài học mới</p>	<p>1. Góc ở tâm – Số đo cung Góc ở tâm là góc có đỉnh trùng với tâm đường tròn Trên hình ta có cung BC được ký hiệu là: \widehat{BC} (cung nhỏ, số đo nhỏ hơn 180°) \widehat{BmC} là cung lớn, số đo lớn hơn 180°</p> <p>Ví dụ: \widehat{BOC} là góc ở tâm chắn cung BC</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">  </div> <div style="text-align: center;">  </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;"> <p>1. Số đo góc ở tâm bằng số đo cung bị chắn</p> <p>VD: số $\widehat{BC} = \widehat{BOC} = 80^\circ$</p> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: 45%;"> <p>2. Số đo của nửa đường tròn bằng 180°</p> <p>3. Cung cả đường tròn có số đo bằng 360°</p> <p>Số cung lớn = $360^\circ -$ số cung nhỏ</p> <p>VD: số $\widehat{BmC} = 360^\circ - 80^\circ = 280^\circ$</p> </div> </div> <p>2. So sánh hai cung: SGK/68</p> <p>3. Khi nào thì số cung $AB =$ số cung $AC +$ số cung CB: SGK/68</p> <p style="text-align: center;">BÀI TẬP Bài 4; 5 trang 69 SGK Toán 9 tập 2</p> <p>4. Xem hình 7. Tính số đo của góc ở tâm AOB và số đo cung lớn AB.</p> <p>5. Hai tiếp tuyến của đường tròn (O) tại A và B cắt nhau tại M. Biết $\widehat{AMB} = 35^\circ$.</p> <p>a) Tính số đo của góc ở tâm tạo bởi hai bán kính OA, OB.</p> <p>b) Tính số đo mỗi cung AB (cung lớn và cung nhỏ).</p> <div style="text-align: right; margin-top: 20px;">  <p>Hình 7</p> </div>
<p>Hoạt động 2: Kiểm</p>	<p>- Học sinh hoàn thành phiếu học tập (trả lời câu hỏi ngắn tuần tự về nội dung bài học, điền khuyết, trắc nghiệm,</p>

<i>tra, đánh giá quá trình tự học.</i>) - Học sinh hoàn thành bài tập về nhà có trong SGK hoặc bài tập do giáo viên soạn - Học sinh nộp bài cho giáo viên qua các phần mềm dạy học online, như: trang lophoc.hcm.edu.vn, Classroom, ... GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các báo cáo của nhóm trưởng hoặc qua các hình ảnh, sản phẩm học tập mà học sinh nộp. GV nhận xét và đánh giá.
--	--

MÔN LÝ KHỐI 9 TUẦN 18

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học	Bài 33: Dòng điện xoay chiều
Hoạt động 1: Ôn các nội dung trọng tâm	<p>1. Chiều của dòng điện cảm ứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín tăng thì dòng điện cảm ứng trong cuộn dây có chiều ngược với chiều dòng điện cảm ứng khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện đó giảm. - Nếu liên tục lần lượt đưa nam châm vào và kéo nam châm ra khỏi cuộn dây dẫn kín (số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín luân phiên tăng, giảm) thì dòng điện cảm ứng trong cuộn dây cũng luân phiên đổi chiều. <div data-bbox="300 1272 1430 1704" data-label="Image"> </div> <p>⇒ Dòng điện luân phiên đổi chiều được gọi là dòng điện xoay chiều.</p> <p>2. Cách tạo ra dòng điện xoay chiều</p> <p>Trong cuộn dây dẫn kín, dòng điện cảm ứng xoay chiều xuất hiện khi cho nam châm quay trước cuộn dây hay cho cuộn dây quay trong từ trường.</p>



II. PHƯƠNG PHÁP GIẢI

Cách xác định chiều của dòng điện cảm ứng

Căn cứ vào: Chiều dòng điện cảm ứng xuất hiện trong cuộn dây phải có chiều sao cho đường sức từ do nó sinh ra ngược với chiều của đường sức từ sinh ra nó.

- Như vậy, muốn xác định chiều dòng điện cảm ứng thì:

- + Xác định chiều đường sức từ sinh ra nó (quy tắc bàn tay phải)
- + Xác định chiều đường sức từ do nó sinh ra (ngược với chiều của đường sức từ sinh ra nó).
- + Xác định chiều dòng điện cảm ứng (quy tắc bàn tay phải).

- Dòng điện cảm ứng có chiều luân phiên thay đổi gọi là dòng điện xoay chiều.

Lưu ý:

- + Số vòng quay trong 1 giây của cuộn dây gọi là tần số của dòng điện xoay chiều, đo bằng đơn vị Héc (kí hiệu là Hz).
- + Trên các dụng cụ sử dụng điện thường ghi AC 220V, kí hiệu AC có nghĩa là dòng điện xoay chiều.

**Hoạt
động
2: BT**

Câu 1: Dòng điện xoay chiều là:

- A. dòng điện luân phiên đổi chiều.
- B. dòng điện không đổi.

trọng
tâm

C. dòng điện có chiều từ trái qua phải.

D. dòng điện có một chiều cố định.

Hiện thị đáp án

Dòng điện xoay chiều là dòng điện luân phiên đổi chiều

→ Đáp án **A**

Câu 2: Có mấy cách tạo ra dòng điện xoay chiều?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Hiện thị đáp án

Có 2 cách tạo ra dòng điện xoay chiều:

+ Cho nam châm quay trước cuộn dây dẫn kín.

+ Cho cuộn dây dẫn quay trong từ trường.

→ Đáp án **B**

Câu 3: Dòng điện cảm ứng trong cuộn dây dẫn kín đổi chiều khi:

A. số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây tăng lên.

B. số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây đang tăng mà chuyển sang giảm hoặc ngược lại đang giảm mà chuyển sang tăng.

C. số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây giảm đi.

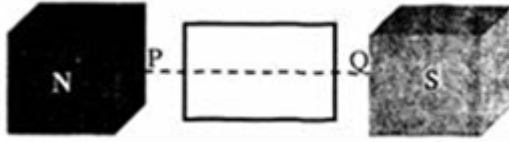
D. số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây không thay đổi.

Hiện thị đáp án

Dòng điện cảm ứng trong cuộn dây dẫn kín đổi chiều khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây đang tăng mà chuyển sang giảm hoặc ngược lại đang giảm mà chuyển sang tăng

→ Đáp án **B**

Câu 4: Một khung dây dẫn kín được đặt trong từ trường như hình.



Chọn phát biểu đúng. Khi cho khung quay quanh trục PQ nằm ngang:

- A. Trong khung không xuất hiện dòng điện xoay chiều do số đường sức từ qua khung dây luôn bằng không.
- B. Trong khung xuất hiện dòng điện xoay chiều.
- C. Trong khung không xuất hiện dòng điện xoay chiều do số đường sức từ qua khung dây luôn thay đổi.
- D. Không xác định được trong khung có dòng điện xoay chiều hay không.

Hiện thị đáp án

Khi cho khung quay quanh trục PQ nằm ngang thì các đường sức từ gửi qua khung dây vẫn luôn bằng không tức là không có sự biến đổi của các đường sức từ \Rightarrow Trong khung dây không xuất hiện dòng điện xoay chiều

\rightarrow Đáp án A

Câu 5: Trường hợp nào dưới đây thì trong cuộn dây dẫn kín xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều?

- A. Cho nam châm chuyển động lại gần cuộn dây.
- B. Cho cuộn dây quay trong từ trường của nam châm và cắt các đường sức từ.
- C. Đặt thanh nam châm vào trong lòng ống dây rồi cho cả hai đều quay quanh một trục.
- D. Đặt một cuộn dây dẫn kín trước một thanh nam châm rồi cho cuộn dây quay quanh trục của nó.

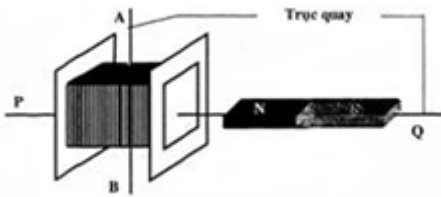
Hiện thị đáp án

Trong cuộn dây dẫn kín xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều khi cho cuộn dây quay trong từ trường của nam châm và cắt các đường sức từ vì lúc đó số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của khung dây dẫn biến thiên

\rightarrow Đáp án B

Câu 6: Trong thí nghiệm như hình sau, dòng điện xoay chiều xuất hiện

trong cuộn dây dẫn kín khi:



- A. Nam châm đứng yên, cuộn dây quay quanh trục PQ.
- B. Nam châm và cuộn dây đều quay quanh trục PQ.
- C. Nam châm và cuộn dây chuyển động thẳng cùng chiều với cùng vận tốc.
- D. Nam châm đứng yên, cuộn dây quay quanh trục AB.

Hiện thị đáp án

Các phương án A, B, C không xuất hiện dòng điện xoay chiều do số đường sức từ xuyên qua tiết diện cuộn dây không đổi.

→ Đáp án **D**

Câu 7: Trường hợp nào dưới đây trong cuộn dây không xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều?

- A. Cho nam châm quay trước một cuộn dây dẫn kín, các đường sức từ bị cuộn dây cắt ngang.
- B. Cho cuộn dây dẫn kín quay trong từ trường của nam châm và cắt các đường sức từ của từ trường.
- C. Liên tục cho một cực của nam châm lại gần rồi ra xa một đầu cuộn dây dẫn kín.
- D. Đặt trục Bắc Nam của thanh nam châm trùng với trục của một ống dây rồi cho nam châm quay quanh trục đó.

Hiện thị đáp án

Trường hợp trong cuộn dây không xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều: Đặt trục Bắc Nam của thanh nam châm trùng với trục của một ống dây rồi cho nam châm quay quanh trục đó vì số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của khung dây dẫn không biến đổi

→ Đáp án **D**

Câu 8: Khi nào thì dòng điện cảm ứng trong một cuộn dây dẫn kín đổi

chiều?

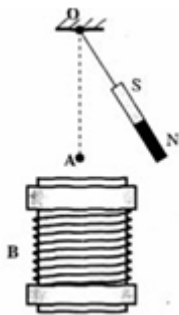
- A. Nam châm đang chuyển động thì dừng lại.
- B. Cuộn dây dẫn đang quay thì dừng lại.
- C. Số đường sức từ xuyên qua tiết diện cuộn dây đang tăng thì giảm hoặc ngược lại.
- D. Số đường sức từ xuyên qua tiết diện cuộn dây liên tục tăng hoặc liên tục giảm.

Hiện thị đáp án

Số đường sức từ xuyên qua tiết diện cuộn dây đang tăng thì giảm hoặc ngược lại thì dòng điện cảm ứng trong một cuộn dây dẫn kín đổi chiều

→ Đáp án C

Câu 9: Treo một thanh nam châm ở đầu một sợi dây và cho dao động quanh vị trí cân bằng OA như hình:



Dòng điện cảm ứng xuất hiện trong cuộn dây dẫn kín B là:

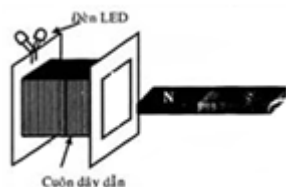
- A. Dòng điện xoay chiều
- B. Dòng điện có chiều không đổi
- C. Không xuất hiện dòng điện trong cuộn dây.
- D. Không xác định được.

Hiện thị đáp án

Dòng điện cảm ứng xuất hiện trong cuộn dây dẫn kín B là dòng điện xoay chiều

→ Đáp án A

Câu 10: Bố trí thí nghiệm như hình:



Chọn phát biểu đúng khi ta tiến hành đưa thanh nam châm từ ngoài vào trong cuộn dây và từ trong ra ngoài cuộn dây.

A. Khi đưa thanh nam châm từ ngoài vào trong cuộn dây và từ trong ra ngoài cuộn dây thì 2 đèn led sáng.

B. Khi đưa thanh nam châm từ ngoài vào trong cuộn dây và từ trong ra ngoài cuộn dây thì 2 đèn led không sáng.

C. Khi đưa thanh nam châm từ ngoài vào trong cuộn dây thì 1 đèn led sáng và từ trong ra ngoài cuộn dây thì đèn led còn lại sáng.

D. Khi đưa thanh nam châm từ ngoài vào trong cuộn dây thì 2 đèn led không sáng, khi đưa thanh nam châm từ trong ra ngoài cuộn dây thì hai đèn led sáng.

Hiển thị đáp án

Khi đưa thanh nam châm từ ngoài vào trong cuộn dây thì 1 đèn led sáng và từ trong ra ngoài cuộn dây thì đèn led còn lại sáng

→ Đáp án C

*Tiết thứ 2 trong tuần:

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học	Bài 34: Máy phát điện xoay chiều
Hoạt động 1: ôn các	1. Cấu tạo và hoạt động của máy phát điện xoay chiều - Máy phát điện xoay chiều có hai bộ phận chính: + Nam châm để tạo ra từ trường, có thể là nam châm vĩnh cửu hoặc nam

nội dung
trọng
tâm

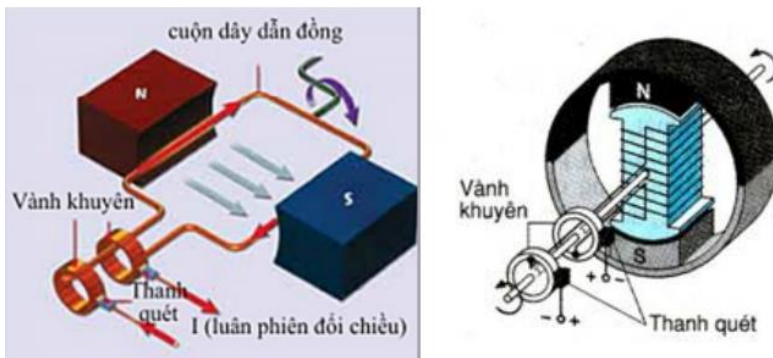
châm điện.

+ Cuộn dây dẫn để tạo ra dòng điện cảm ứng xoay chiều.

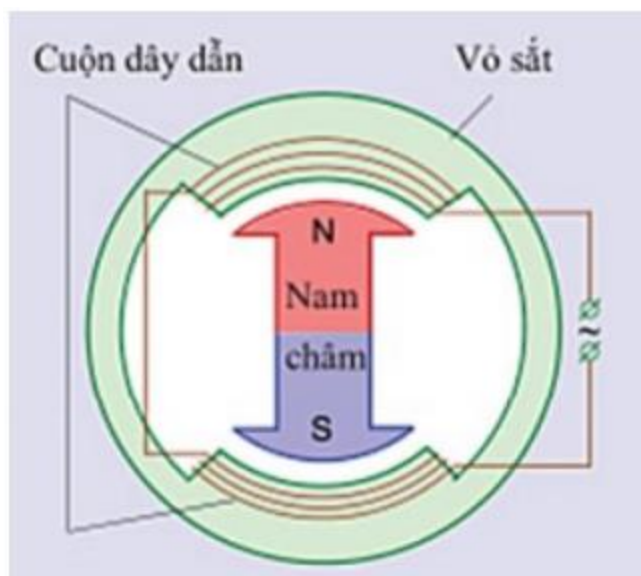
Một trong hai bộ phận đó đứng yên gọi là stato, bộ phận còn lại có thể quay được gọi là rôto.

- Có hai loại máy phát điện xoay chiều:

+ Loại có cuộn dây quay: Để đưa dòng điện cảm ứng từ cuộn dây ra mạch ngoài, người ta thường dùng bộ góp gồm hai vành khuyên và hai thanh quét.



+ Loại có nam châm quay: Nếu là nam châm điện, người ta thường đưa dòng điện vào nam châm bằng bộ góp, cũng gồm hai vành khuyên và hai thanh quét.



2. Máy phát điện xoay chiều trong kỹ thuật [Advertisement: 0:1Close Player](#)

a) Đặc tính kỹ thuật

- Máy phát điện trong công nghiệp có thể cho dòng điện có cường độ 10 kA và hiệu điện thế 10,5 kV; đường kính tiết diện ngang của máy đến 4m, chiều dài đến 20m, công suất 110 MW.

- Ở Việt Nam, các máy cung cấp điện có tần số 50 Hz cho lưới điện quốc gia.



b) Cách làm quay máy phát điện

Có nhiều cách làm quay rô to của máy phát điện: Dùng động cơ nổ, dùng tuabin nước, dùng cánh quạt gió...

Một số hình ảnh nhà máy phát điện:



Phong điện (điện gió)



Nhà máy nhiệt điện (dùng động cơ nổ làm quay rôto)



Nhà máy thủy điện (dùng tuabin nước làm quay rôto)

**Hoạt
động 2:**
BT trọng

Câu 1: Máy phát điện xoay chiều có mấy bộ phận chính?

A. 1

tâm	<p>B. 2</p> <p>C. 3</p> <p>D. 4</p> <p>Hiện thị đáp án Máy phát điện xoay chiều có 2 bộ phận chính là nam châm và cuộn dây dẫn → Đáp án B</p> <p>Câu 2: Chọn phát biểu đúng khi so sánh giữa đinamô ở xe đạp và máy phát điện xoay chiều trong công nghiệp.</p> <p>A. Cả hai đều hoạt động dựa trên hiện tượng cảm ứng điện từ.</p> <p>B. Phần quay là cuộn dây tạo ra dòng điện.</p> <p>C. Phần đứng yên là nam châm tạo ra từ trường.</p> <p>D. Đinamô dùng nam châm điện, máy phát điện công nghiệp dùng nam châm vĩnh cửu.</p> <p>Hiện thị đáp án Phần quay là nam châm tạo ra từ trường, phần đứng yên là cuộn dây tạo ra dòng điện, đinamô dùng nam châm vĩnh cửu, máy phát điện công nghiệp dùng nam châm điện. → Đáp án A</p> <p>Câu 3: Máy phát điện công nghiệp cho dòng điện có cường độ:</p> <p>A. 1 kA</p> <p>B. 1 A</p> <p>C. 10 kA</p> <p>D. 100 kA</p> <p>Hiện thị đáp án Máy phát điện công nghiệp cho dòng điện có cường độ 10 kA → Đáp án C</p> <p>Câu 4: Chọn phát biểu đúng</p>
-----	---

- A. Bộ phận đứng yên gọi là roto.
- B. Bộ phận quay gọi là stato.
- C. Có hai loại máy phát điện xoay chiều.
- D. Máy phát điện quay càng nhanh thì hiệu điện thế ở hai đầu cuộn dây của máy càng nhỏ.

Hiển thị đáp án

Bộ phận đứng yên gọi là stato, bộ phận quay gọi là roto, máy phát điện quay càng nhanh thì hiệu điện thế ở hai đầu cuộn dây của máy càng lớn

→ Đáp án C

Câu 5: Nối hai cực của máy phát điện xoay chiều với một bóng đèn. Khi quay nam châm của máy phát thì trong cuộn dây của nó xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều vì:

- A. Từ trường trong lòng cuộn dây luôn tăng.
- B. Số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây dẫn luôn tăng.
- C. Từ trường trong lòng cuộn dây không biến đổi.
- D. Số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây luân phiên tăng giảm.

Hiển thị đáp án

Nối hai cực của máy phát điện xoay chiều với một bóng đèn. Khi quay nam châm của máy phát thì trong cuộn dây của nó xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều vì số đường sức từ qua tiết diện S của cuộn dây luân phiên tăng giảm

→ Đáp án D

Câu 6: Trong máy phát điện xoay chiều, rôto hoạt động như thế nào khi máy làm việc?

- A. Luôn đứng yên.
- B. Chuyển động đi lại như con thoi.
- C. Luôn quay tròn quanh một trục theo một chiều.
- D. Luân phiên đổi chiều quay.

Hiển thị đáp án

Trong máy phát điện xoay chiều, rôto hoạt động luôn quay tròn quanh một trục theo một chiều khi máy làm việc

→ Đáp án C

Câu 7: Chọn phát biểu sai khi nói về bộ góp điện.

A. Động cơ điện một chiều không có bộ phận góp điện, máy phát điện xoay chiều có bộ phận góp điện.

B. Trong động cơ điện một chiều, bộ góp điện gồm hai vành bán khuyên ngoài tác dụng làm điện cực đưa dòng điện một chiều vào động cơ nó còn có tác dụng chỉnh lưu.

C. Bộ góp điện trong máy phát điện xoay chiều với cuộn dây quay có nhiệm vụ làm điện cực đưa dòng điện xoay chiều trong máy phát ra mạch ngoài.

D. Bộ góp trong động cơ điện một chiều giúp đổi chiều dòng điện trong khung (roto) để làm khung quay liên tục theo một chiều xác định.

Hiện thị đáp án

Động cơ điện 1 chiều có bộ phận góp điện

→ Đáp án A

Câu 8: Trong máy phát điện xoay chiều roto là nam châm, khi máy hoạt động thì nam châm có tác dụng gì?

A. Tạo ra từ trường.

B. Làm cho số đường sức từ qua tiết diện cuộn dây tăng.

C. Làm cho số đường sức từ qua tiết diện cuộn dây giảm.

D. Làm cho số đường sức từ qua tiết diện cuộn dây biến thiên.

Hiện thị đáp án

Trong máy phát điện xoay chiều roto là nam châm, khi máy hoạt động thì nam châm có tác dụng làm cho số đường sức từ qua tiết diện cuộn dây biến thiên

→ Đáp án D

Câu 9: Máy phát điện xoay chiều biến đổi:

A. Cơ năng thành điện năng

- B. Điện năng thành cơ năng
C. Cơ năng thành nhiệt năng
D. Nhiệt năng thành cơ năng

Hiện thị đáp án

Máy phát điện xoay chiều biến đổi cơ năng thành điện năng vì khi cho nam châm (hoặc cuộn dây) quay thì ta lại thu được dòng điện xoay chiều trong các máy trên khi nối hai cực của máy với các dụng cụ tiêu thụ điện

→ Đáp án A

Câu 10: Máy phát điện xoay chiều bắt buộc phải gồm các bộ phận chính nào để có thể tạo ra dòng điện?

- A. Nam châm vĩnh cửu và sợi dây dẫn nối hai cực nam châm.
B. Nam châm điện và sợi dây dẫn nối nam châm với đèn.
C. Cuộn dây dẫn và nam châm.
D. Cuộn dây dẫn và lõi sắt.

Hiện thị đáp án

Máy phát điện xoay chiều bắt buộc phải gồm các bộ phận chính để có thể tạo ra dòng điện: Cuộn dây dẫn và nam châm

→ Đáp án C

MÔN HÓA KHỐI 9 TUẦN 18

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9	Tiết 1 CARBON VÀ HỢP CHẤT CỦA CARBON
Hoạt động 1: <i>HS tham khảo SGK Hóa 9 và chú ý nghe GV giảng bài.</i>	A. CARBON I. Các dạng thù hình của carbon: SGK/ 84 II. Tính chất của carbon: 1. Tính chất hấp phụ: - Than gỗ có khả năng giữ trên bề mặt của nó các chất khí, chất hơi, chất tan trong dung dịch. Than gỗ có tính hấp phụ. 2. Tính chất hóa học: a. Tác dụng với oxygen: $C + O_2 \rightarrow CO_2$

b. Tác dụng với oxide kim loại: $\text{CuO} + \text{C} \rightarrow \text{CuO} + \text{CO}_2$

III. Ứng dụng của cacbon: SGK/84

B. CÁC OXIDE CỦA CARBON

I. Carbon oxide : CO

1. Tính chất vật lí: SGK

2. Tính chất hóa học:

a. CO là oxide trung tính:

- Ở điều kiện thường, CO không phản ứng với nước, kiềm và axit.

b. CO là chất khử:

- $\text{CO} + \text{CuO} \rightarrow \text{CO}_2 + \text{Cu}$

- $4\text{CO} + \text{Fe}_3\text{O}_4 \rightarrow 4\text{CO}_2 + 3\text{Fe}$

- $2\text{CO} + \text{O}_2 \rightarrow 2\text{CO}_2$

3. Ứng dụng: SGK

II. Carbon dioxide: CO₂

1. Tính chất vật lí:SGK

2. Tính chất hóa học:

a. Tác dụng với dung dịch base

- $\text{CO}_2 + 2\text{NaOH} \rightarrow \text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{H}_2\text{O}$

- $\text{CO}_2 + \text{NaOH} \rightarrow \text{NaHCO}_3$

c. Tác dụng với basic oxide:

- $\text{CO}_2 + \text{CaO} \rightarrow \text{CaCO}_3$

Kết luận: CO₂ có những tính chất của oxit axit.

3. Ứng dụng: SGK

C. CARBONIC ACID VÀ MUỐI CARBONATE

I. Carbonic Acid (H₂CO₃):

1. Trạng thái tự nhiên và tính chất vật lí:

2. Tính chất hóa học:

- H₂CO₃ là một acid yếu : dung dịch H₂CO₃ làm quỳ tím chuyển thành màu đỏ nhạt.

- H₂CO₃ là một acid không bền : H₂CO₃ tạo thành trong các phản ứng hóa học bị phân hủy ngay thành CO₂ và H₂O.

II. Muối carbonate:

1. Phân loại:

Có hai loại muối:

- Muối carbonate trung hòa: CaCO₃ , Na₂CO₃,....

- Muối cacbonat axit: NaHCO₃, Ca(HCO₃)₂,....

2. Tính chất:

a. Tính tan:

- Đa số muối carbonate **không tan** trong nước, **trừ** một số muối carbonate của kim loại kiềm như **Na₂CO₃, K₂CO₃**.. Hầu hết muối hydrocarbonate tan trong nước như Ca(HCO₃)₂, Mg(HCO₃)₂...

b. Tính chất hóa học:

	<p>* Tác dụng với acid:</p> <p>- $\text{NaHCO}_3 + \text{HCl} \rightarrow \text{NaCl} + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$</p> <p>- $\text{Na}_2\text{CO}_3 + 2\text{HCl} \rightarrow 2\text{NaCl} + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$</p> <p>* Tác dụng với dung dịch base:</p> <p>- $\text{K}_2\text{CO}_3 + \text{Ca}(\text{OH})_2 \rightarrow \text{CaCO}_3 + \text{KOH}$</p> <p>* Tác dụng với dung dịch muối:</p> <p>- $\text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{CaCl}_2 \rightarrow \text{CaCO}_3 + 2\text{NaCl}$</p> <p>* Muối carbonate bị nhiệt phân hủy:</p> <p>- $\text{CaCO}_3 \rightarrow \text{CaO} + \text{CO}_2$</p> <p>- $2\text{NaHCO}_3 \rightarrow \text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{H}_2\text{O} + \text{CO}_2$</p> <p>3. Ứng dụng: SGK/90</p> <p>III. Chu trình cacbon trong tự nhiên: SGK/90</p>
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i></p>	<p style="text-align: center;">Bài tập</p> <p>Hoàn thành các PTHH sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> $\text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$ $\text{CO}_2 + \text{CaO}$ $\text{CO} + \text{CuO}$ $\text{C} + \text{CuO}$ $\text{Na}_2\text{CO}_3 + \text{HCl}$ $\text{NaHCO}_3 + \text{HCl}$ NaHCO_3 $\text{Cl}_2 + \text{H}_2\text{O}$ $\text{Cl}_2 + \text{NaOH}$ $\text{CO} + \text{Fe}_3\text{O}_4$

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9</p>	<p style="text-align: center;">Tiết 2</p> <p style="text-align: center;">LUYỆN TẬP</p>
<p>Hoạt động HS TỰ HỌC Ở NHÀ</p>	<p style="text-align: center;">HS tự học ở nhà:</p> <p>Yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> Học sinh rèn luyện viết phương trình phản ứng và giải các bài toán hóa. Rèn luyện đọc tên các chất theo danh pháp IUPAC HS giải các bài tập giáo viên giao ở tiết trước.

MÔN SINH KHỐI 9 TUẦN 18

1. Nêu khái niệm di truyền.

Di truyền là hiện tượng truyền đạt các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho các thế hệ con cháu.

2. Nêu khái niệm biến dị.

Biến dị là hiện tượng con sinh ra khác với bố mẹ và khác nhau về nhiều chi tiết.

3. Biến dị và di truyền có mối quan hệ như thế nào với nhau?

Biến dị và di truyền là hai hiện tượng song song, gắn liền với quá trình sinh sản.

Phần II

1. Cho 1 đoạn mạch ADN có trình tự 1 mạch như sau :

-A-T-X-G-A-T-A-G-X-A-T-X-X-G-A-T-G-A-

a. Xác định trình tự các nucleotit của đoạn mạch ADN ở trên.

Mạch 1: -A- T- X- G- A- T- A- G- X- A- T- X- X- G- A- T- G- A-

Mạch 2:.....

b. Cho biết số lượng từng loại nucleotit và tổng số Nucleotit của đoạn mạch ADN nói trên.

Số lượng từng loại Nucleotide A = T = (Nu)

G = X = (Nu)

Vậy tổng số Nucleotide của đoạn mạch ADN là : $N = 2A + 2G = \dots\dots\dots$ (Nu)

c. Nếu mạch 1 làm khuôn thì trình tự nucleotit trên phân tử ARN là gì?

.....

d. Nếu mạch 2 làm khuôn thì trình tự nucleotit trên phân tử ARN là gì?

.....

Phần III

1. **Nêu ý nghĩa của quá trình nguyên phân.**

Nguyên phân là phương thức sinh sản của tế bào. Cơ thể đa bào lớn lên thông qua quá trình nguyên phân, chính vì vậy nguyên phân là phương thức truyền đạt và ổn định của loài qua các thế hệ tế bào trong quá trình phát sinh cá thể và qua các thế hệ cơ thể ở những loài sinh sản vô tính. Sinh trưởng của các mô và cơ quan trong cơ thể đa bào chủ yếu vào sự tăng số lượng tế bào trong quá trình nguyên phân .

a. Nếu có a tế bào thực hiện k lần nguyên phân liên tiếp thì hãy cho biết số lượng tế bào được tạo ra?

$ax2^k$ tế bào

VD: Ở một loài có bộ NST $2n = 40$, thực hiện quá trình nguyên phân 3 lần liên tiếp. Xác định số tế bào con tạo thành và số lượng NST ở thế hệ tế bào cuối cùng, biết rằng quá trình nguyên phân diễn ra bình thường.

b. Nếu x tế bào sinh dục đực tham gia giảm phân thì số giao tử đực được tạo ra là bao nhiêu?

$4x$ giao tử đực

+ Nếu có 348 tế bào sinh dục đực (tinh bào bậc 1) ở thời kì chín giảm phân thì sẽ tạo ra bao nhiêu tinh trùng? (trong đó có loại (loại mang NST.... và loại mang NST.....)

+ Nếu có 72 tế bào sinh dục cái (noãn bào bậc 1) ở thời kì chín giảm phân thì sẽ tạo ra bao nhiêu trứng? (trong đó chỉ có 1 loại mang NST.....)

Phần IV

1. **Đột biến gen là gì? Cho ví dụ.**

- Đột biến gen là những biến đổi trong cấu trúc của gen liên quan tới một hoặc một số cặp nucleotit. Đột biến gen là biến dị di truyền được.

VD.....

2. **Thể dị bội là gì? Cho ví dụ.**

- Thể dị bội là cơ thể mà trong tế bào sinh dưỡng có một hoặc một số cặp NST bị thay đổi về số lượng.

Ví dụ: Thể dị bội của lúa nước biết bộ NST lưỡng bội của lúa nước $2n = 24$

Thể không nhiễm : $2n-2=$	Thể ba nhiễm : $2n+1=$
Thể một nhiễm : $2n-1=$	Thể bốn nhiễm : $2n+2=$

3. **Thể đa bội là gì? Cho ví dụ.**

c) Có bao nhiêu NST ở thể 0 nhiễm?.....

d.) Có bao nhiêu NST ở thể 4 nhiễm?.....

5.4. Ở loài Ngô có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội $2n = 20$. Hãy cho biết số lượng NST trong tế bào sinh dưỡng của các thể đột biến sau: → Thể đa bội

- Thể một nhiễm(.....)
- Thể ba nhiễm (.....):.....
- Thể bốn nhiễm:.....
- Thể tam bội (.....) :.....
- Thể tứ bội (.....) :.....
- Thể lục bội:.....
- Thể thập bội:.....

Câu 6: Đa số đột biến gen tạo ra các gen lặn:

- Bạn Lan cho rằng đa số đột biến gen chỉ biểu hiện ra kiểu hình khi ở thể đồng hợp trội.
- Bạn Tuấn cho rằng chúng chỉ biểu hiện ra kiểu hình khi ở thể dị hợp.
- Bạn Minh thì cho rằng chúng chỉ biểu hiện ra kiểu hình khi ở thể đồng hợp lặn.

Vậy theo em quan niệm của bạn nào là đúng? Tại sao?

Câu 7: Cho 1 đoạn mạch ADN có trình tự 1 mạch như sau :

-A-T-X-G-A-T-A-G-X-A-T-X-X-G-A-T-G-A-

a. Xác định trình tự các Nucleotit của đoạn mạch ADN ở trên. (1.0 điểm)

Mạch 1: -A- T- X- G- A- T- A- G- X- A- T- X- X- G- A- T- G- A-

Mạch

2:.....

b.Cho biết số lượng từng loại Nucleotit và tổng số Nucleotit của đoạn mạch ADN nói trên (1.0 điểm)

Câu 8: Cho 1 đoạn mạch ADN có trình tự 2 mạch như sau :

Mạch 1 -A-T-X-G-A-T-A-G-X-A-T-X-X-G-A-T-G-A-

| | | | | | | | | | | | | | | |

Mạch 2 -T-A-G-X-T-A-T-X-G-T-A-G-G-X-T-A-G-X-

a. Xác định trình tự các Nucleotit của đoạn mạch ARN được tổng hợp từ mạch 1 (1.0 điểm)

+ Mạch 1 : - A- T- X- G- A- T- A- G- X- A- T- X- X- G- A- T- G- A-

+ MạchARN :.....

b. Cho biết số lượng từng loại Nucleotit và tổng số Nucleotit của đoạn mạch ADN nói trên (1.0 điểm)

+ Mạch 2 : -T-A-G-X-T-A-T-X-G-T-A-G-G-X-T-A-G-X-

Mạch mARN:

MÔN TIN HỌC KHỐI 9 TUẦN 16

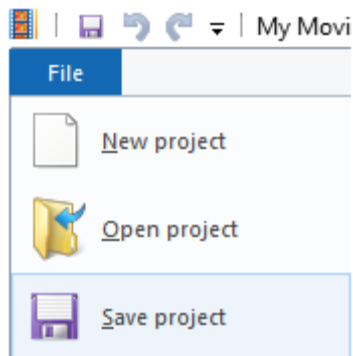
NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9	Thiết kế phim bằng phần mềm Movie Maker (tiếp theo)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	<p>a) Dữ liệu cần chuẩn bị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một vài hình ảnh theo chủ đề nào đó, ví dụ chủ đề cây xanh. Một bản nhạc không lời: Ví dụ bản nhạc “Childhood-Memory”

- Một vài bài hát lứa tuổi học sinh: Ví dụ bài hát “Em yêu trường em”
- Một vài video cùng chủ đề với các hình ảnh trên: Ví dụ Cayxanh.mp4


b) Thực hành

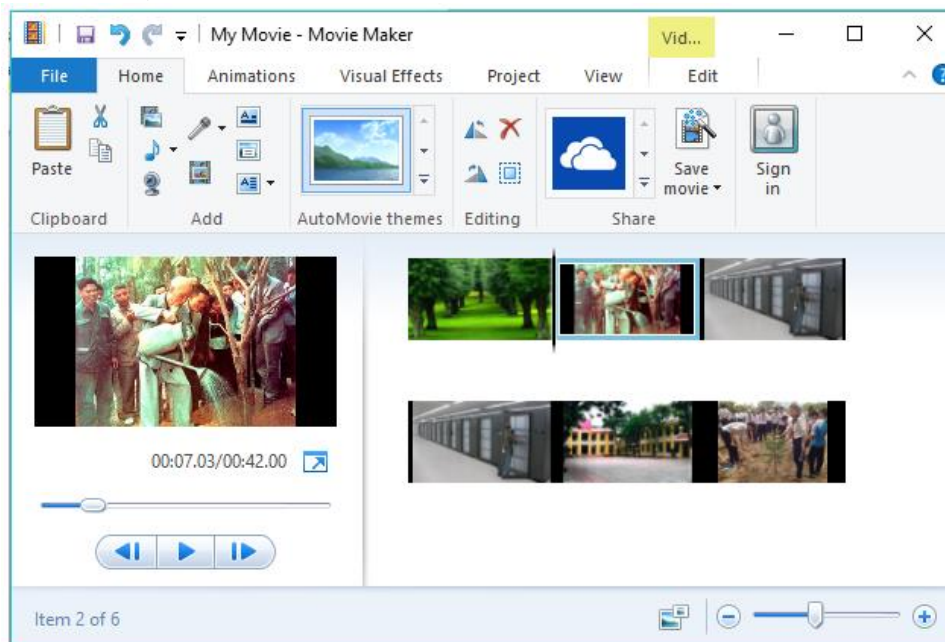
1. Khởi động phần mềm Movie Maker, thiết lập dự án phim.

Thực hiện lệnh **File** → **Save Project** (hoặc **Ctrl+S**), nhập tên dự án phim muốn tạo, ví dụ Cayxanh.wlmp.



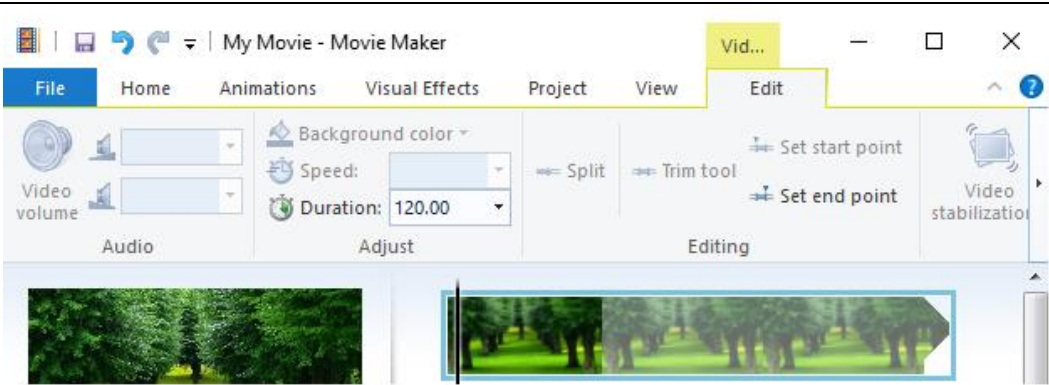



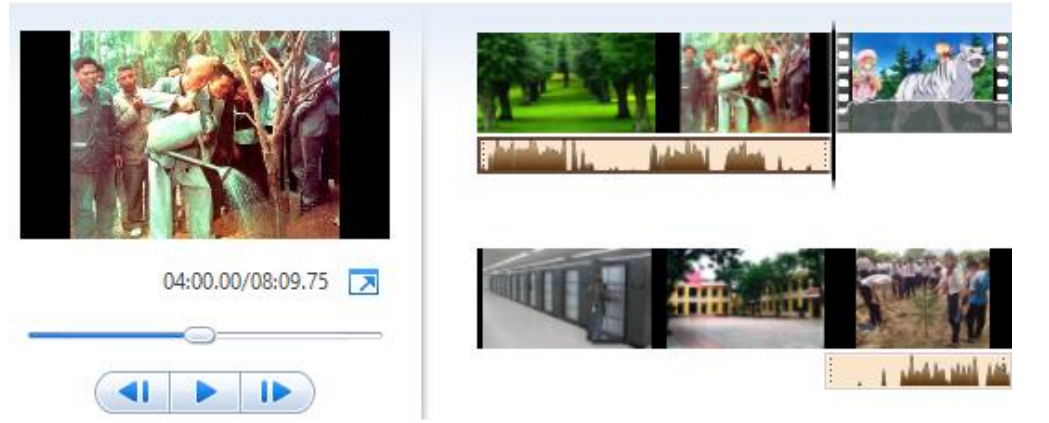
2. Thêm hình ảnh và video vào dự án phim.

Chọn **Home** và nhấn nút **Add videos and photos**  và nhấn chọn các tệp ảnh, video đã sưu tầm để đưa vào dự án phim. Dùng chuột để sắp xếp lại thứ tự các đối tượng này trong danh sách tài nguyên bên phải màn hình. Ví dụ em sắp xếp theo thứ tự sau:



3. Bổ sung lời thoại cho hình ảnh tĩnh, điều chỉnh thời gian cho hình ảnh tĩnh, lời thoại.

- Để thiết lập thời gian phim tĩnh cho ảnh, em thực hiện nhấn chuột chọn ảnh rồi nhấn chọn dải lệnh **Edit** và đặt thời gian bằng lệnh Duration. Ví dụ đặt thời gian cho ảnh Cây xanh là 2 phút:

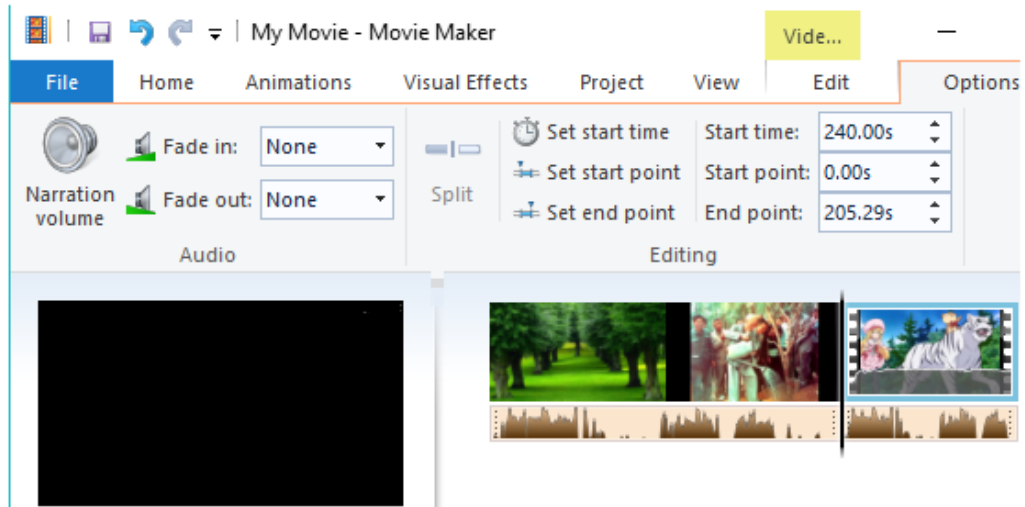
 <p>- Thu lời thoại cho hình ảnh tĩnh: Di chuyển con trỏ thời gian đến vị trí bắt đầu thu âm. Nháy nút Home, nháy chọn nút lệnh  Record narration. Nháy nút Record  để bắt đầu thu âm và đọc lời thoại của em. Nháy nút Stop  để kết thúc.</p> 	<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p> <p>bài tập thực hành</p>
--	---


MÔN TIN HỌC KHỐI 9 TUẦN 17

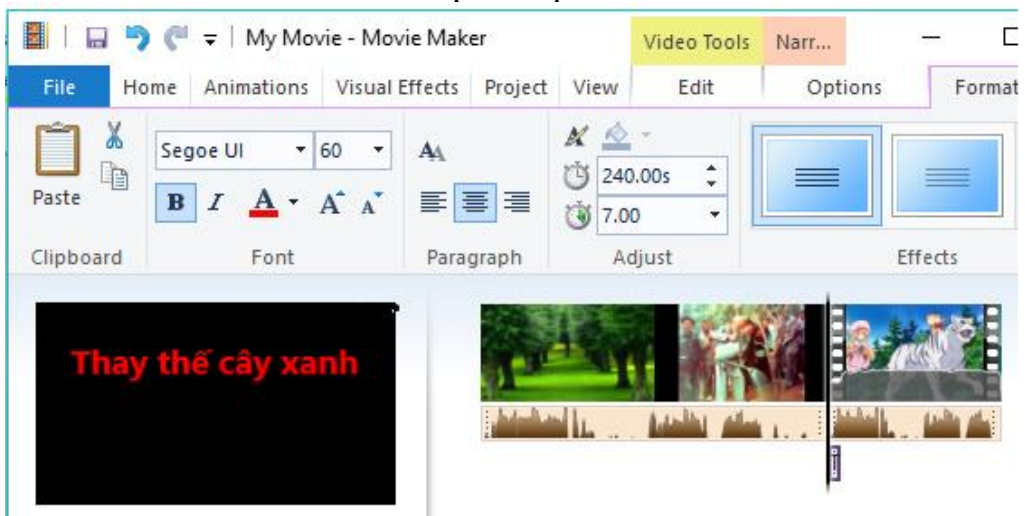
NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9</p>	<p>Thiết kế phim bằng phần mềm Movie Maker (tiếp theo)</p>
<p>Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</p>	<p>4. Chỉnh sửa video gốc</p> <p>- Thêm lời thoại cho video gốc: Chọn video, chọn Video Tools, nháy lên nút  và điều chỉnh con trượt âm lượng sang trái hết cỡ.</p> 

5. Bổ sung thuyết minh hoặc thêm phụ đề cho video gốc


- Thu lời thuyết minh trực tiếp cho video gốc:

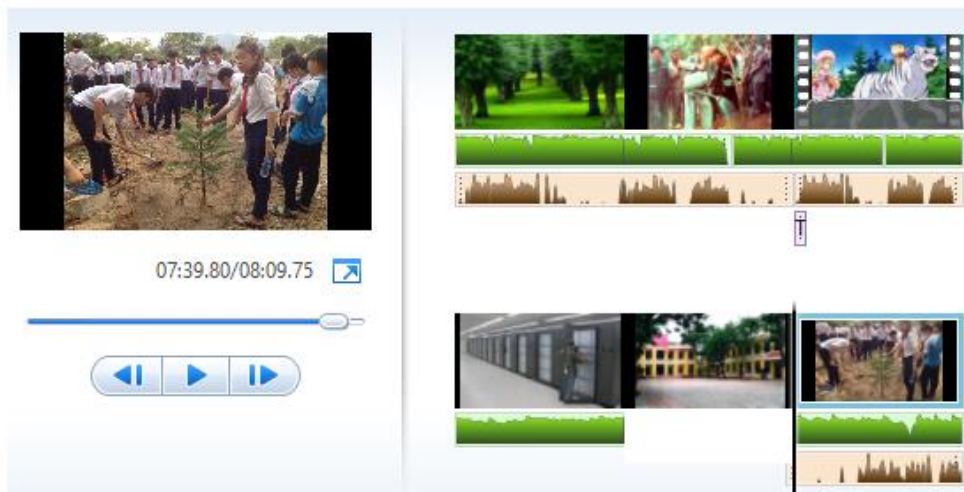


- Bổ sung một phụ đề “Thay thế cây xanh” vào phần đầu của video cây xanh: Nháy chuột chọn dải lệnh **Home**, chọn nút lệnh  **Caption**. Một đối tượng định dạng văn bản xuất hiện ngay trên trang chính, em thực hiện nhập nội dung và điều chỉnh kích thước sao cho phù hợp.




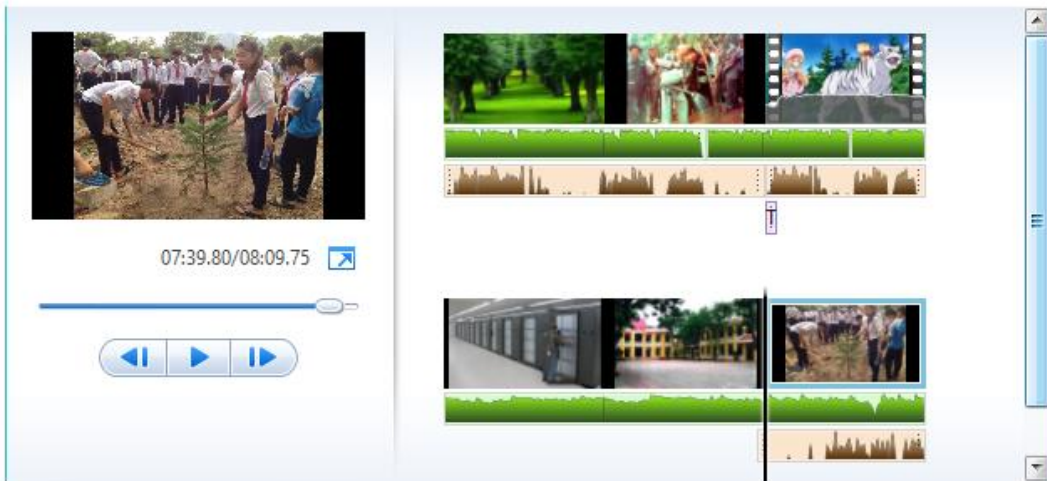
6. Bổ sung nhạc nền

Nháy chọn đối tượng ảnh đầu tiên. Chọn dải lệnh **Home**, nháy nút , sau đó chọn tệp bản nhạc không lời trong số các thông tin nguồn đã có.



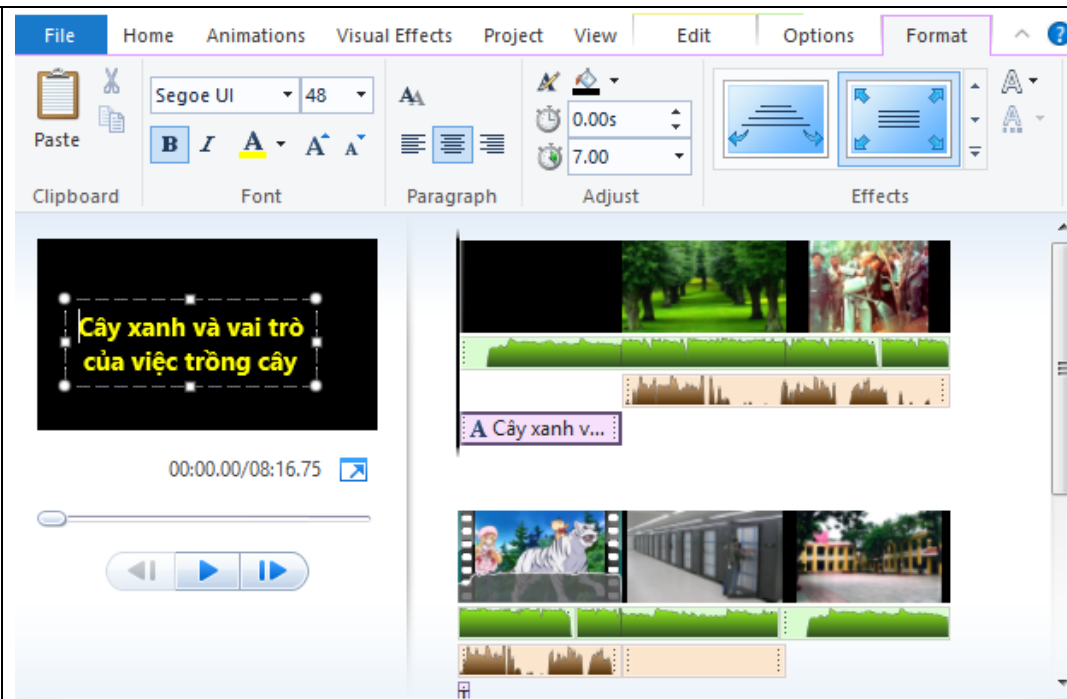
7. Chèn bài hát Em yêu trường em vào một ảnh của dự án

- Nháy chọn bức ảnh Trường em, chọn dải lệnh **Home**, nháy nút , sau đó chọn tệp bản nhạc Em yêu trường em đã có.



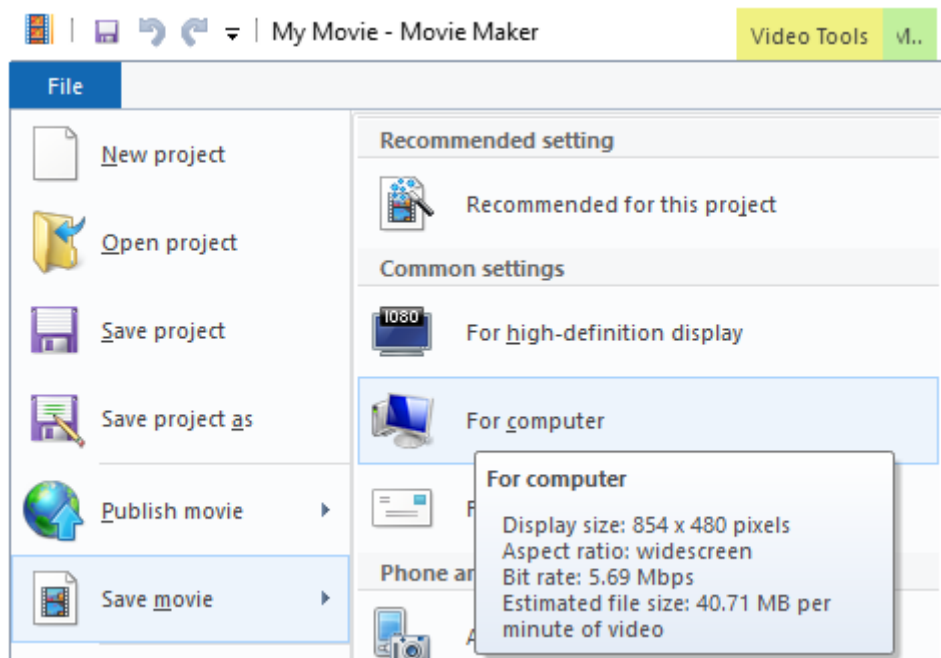
8. Bổ sung tên phim

Nháy nút **Title** và bổ sung tên phim Cây xanh và vai trò của việc trồng cây như sau:



9. Xuất video

- Thực hiện lệnh **File** → **Save movie** → **For Computer**, sau đó nhập tên phim muốn xuất, thư mục lưu trữ và nhấn nút **Save**.



Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

bài tập thực hành

MÔN TIN HỌC KHỐI 9 TUẦN 18

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9	Ôn tập

Hoạt động
1: Đọc tài
liệu và thực
hiện các yêu
cầu.

Bài 1: Từ máy tính đến mạng máy tính

- Câu 1: Mạng máy tính là gì?
 Câu 2: Kể tên các kiểu kết nối mạng mà em biết
 Câu 3: Kể tên các thành phần kết nối mạng
 Câu 4: Mô hình mạng phổ biến hiện nay là gì?
 Câu 5: Vai trò của máy tính trong mạng
 Câu 6: LAN, WAN là gì?

Bài 2: Mạng thông tin toàn cầu Internet

- Câu 1: 3G, GPRS, GPS, Hosting, Domain là gì?
 Câu 2: WWW là gì?
 Câu 3: Để xem được các trang Web em phải làm gì?
 Câu 4: Phân biệt Hub, Switch và Router
 Câu 5: Kể tên một số trình duyệt Web mà em biết
 Câu 6: Kể tên một số công cụ tìm kiếm có trên mạng
 Câu 7: Kể tên một số ứng dụng có trên mạng

Bài 3: Tổ chức và khai thác thông tin trên Internet

- Câu 1: Siêu văn bản là gì?
 Câu 2: Trang chủ là gì?
 Câu 3: Website là gì?
 Câu 4: Các bước để truy cập trang Web
 Câu 5: Các bước để sử dụng máy tìm kiếm

Bài 4: Tìm hiểu thư điện tử

- Câu 1: So sánh thư truyền thống và thư điện tử có những ưu điểm gì
 Câu 2: Cấu trúc chung của địa chỉ thư điện tử
 Câu 3: Kể tên một số nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử
 Câu 4: Để có địa chỉ thư điện tử, em cần làm gì?
 Câu 5: Soạn thư nhưng chưa muốn gửi đi thì thư được lưu ở đâu?

Bài 5: Bảo vệ thông tin máy tính

- Câu 1: Kể tên một số loại Virus mà em biết
 Câu 2: Tác hại và con đường lây lan
 Câu 3: Cách phòng tránh Virus
 Câu 4: Kể tên một số phần mềm diệt Virus mà em biết

Bài 6: Tin học và xã hội

- Câu 1: Lợi ích của ứng dụng tin học
 Câu 2: Tác động của tin học đối với xã hội
 Câu 3: Kể các tác động tích cực và tiêu cực
 Câu 4: Con người trong xã hội tin học hóa cần phải làm gì?

Thông tin đa phương tiện

- Câu 1: Thông tin đa phương tiện là gì?
 Câu 2: Tác hại và con đường lây lan
 Câu 3: Kể một số ví dụ đa phương tiện

	<p>Câu 4: Ưu điểm của đa phương tiện</p> <p>Câu 5: Các thành phần của đa phương tiện</p> <p>Câu 6: Các ứng dụng của đa phương tiện</p>
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p>Các em vào đây ôn bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - bit.ly/ontap_lan1 - bit.ly/ontap_lan2

MÔN VĂN KHỐI 9 TUẦN 18

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>HƯỚNG DẪN TỰ HỌC</p> <p>TIẾNG NÓI VĂN NGHỆ - NGUYỄN ĐÌNH THI</p>	
<p>Hoạt động 1: Học sinh đọc chú thích và văn bản trong sách giáo khoa, thực hiện các yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Gạch chân các thông tin quan trọng về tác giả, tác phẩm. 2. Xác định kiểu văn bản, phương thức biểu đạt. 3. Xác định bố cục văn bản. 	<p>I. Giới thiệu:</p> <p>1. Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nguyễn Đình Thi - Quê: Hà Nội - Hoạt động văn nghệ từ trước cách mạng tháng Tám 1945 - Thành công ở thể loại kịch, thơ, âm nhạc, còn là cây bút lí luận phê bình nổi tiếng <p>2. Văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết năm 1948 – thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp - Vấn đề nghị luận : Nội dung của văn nghệ và sức mạnh kì diệu của văn nghệ đối với đời sống con người - Kiểu vb: Nhật dụng - Phương thức biểu đạt chính: nghị luận <p>II. Tìm hiểu văn bản</p> <p>1. Nội dung của văn nghệ.</p> <p>Đặc điểm của tác phẩm nghệ thuật: Lấy chất liệu ở thực tại đời sống khách quan , tác giả sáng tạo gửi vào đó một cách nhìn mới, một lời nhắn nhủ.</p> <p>+ Dẫn chứng 1: “Truyện Kiều” - Nguyễn Du , Đọc câu thơ, rung động trước cảnh đẹp ngày xuân, băng khuâng nghe lời gửi của tác giả.</p>

<p>4. Xác định nội dung chính của văn bản.</p> <p>5. Xác định dẫn chứng được tác giả đưa ra để chứng minh.</p> <p>6. Vai trò và sức mạnh của tiếng nói văn nghệ</p>	<p>+ Dẫn chứng 2: An-na Ca-rê-nhi-na-Lép Tôn- xtôi.</p> <p>Tác phẩm nghệ thuật không cất lên những lời lí thuyết khô khan mà chứa đựng tất cả những say sưa, vui buồn, yêu ghét, mơ mộng của nghệ sĩ. khiến ta rung động ngỡ ngàng trước những điều... rất quen thuộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung của các môn KH khác khám phá miêu tả và đúc kết bộ mặt tự nhiên, xã hội, các quy luật khách quan. - Còn tiếng nói của văn nghệ thì khám phá, thể hiện chiều sâu tính cách, số phận con người, thế giới bên trong của con người. <p>2. Vai trò của văn nghệ</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Văn nghệ giúp ta sống phong phú hơn, thay đổi mắt ta nhìn, óc ta nghĩ. Văn nghệ là sợi dây nối kết con người với cuộc sống đời thường đối với quần chúng nhân dân. b. Cuộc sống lao động sản xuất, chiến đấu, hàng ngày c. Hoàn cảnh khắc nghiệt, đặc biệt, dễ gây ấn tượng. <ul style="list-style-type: none"> - Trữ tình, thiết tha. - Văn nghệ giúp ta sống phong phú hơn, thay đổi mắt ta nhìn, óc ta nghĩ. - Văn nghệ là sợi dây nối kết con người với cuộc sống đời thường đối với quần chúng nhân dân. - Văn nghệ mang lại niềm vui ước mơ và những rung cảm thật đẹp cho tâm hồn, giúp họ tin yêu cuộc sống, vượt lên bao khó khăn gian khổ của cuộc sống hiện tại. <p>3. Sức mạnh kì diệu của văn nghệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm. + Tác phẩm văn nghệ chứa đựng tình yêu, ghét, vui buồn... của con người chúng ta. + Tư tưởng của nghệ thuật không khô khan trừu tượng. + Tác phẩm nghệ thuật lay động cảm xúc, đi vào nhận thức tâm hồn qua con đường tình cảm. <p>* Giống: Lập luận từ các luận cứ, giàu lí lẽ, dẫn chứng và nhiệt tình của người viết.</p> <p>* Khác: Tiếng nói của VN là bài NLVH nên có sự tinh tế trong phân tích, sắc sảo trong tổng hợp, lời văn giàu hình ảnh, gợi cảm...</p> <p>IV. Tổng kết.</p>
---	---

<p>Hoạt động 2: Luyện tập</p>	<p>1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục chặt chẽ, hợp lí, cách dẫn dắt tự nhiên . - Lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh, dẫn chứng phong phú giàu thuyết phục - Giọng văn chân thành say mê làm tăng sức thuyết phục và tính hấp dẫn của văn bản <p>2. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung phản ánh của VN - Công dụng và sức mạnh kì diệu của văn nghệ đối với cuộc sống của con người. <p>V. Luyện tập Thực hiện bài tập trong sgk.</p>
<p>HƯỚNG DẪN TỰ HỌC</p> <p>CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ MỚI – VŨ KHOAN</p>	
<p>Hoạt động 1: Học sinh đọc chú thích và văn bản trong sách giáo khoa, thực hiện các yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Gạch chân các thông tin quan trọng về tác giả, tác phẩm. 2. Xác định kiểu văn bản, phương thức biểu đạt. 3. Xác định bố cục văn bản. <p>Hoạt động 2: Luyện tập</p>	<p>I. TÌM HIỂU CHUNG</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tác giả: Vũ Khoan 2. Tác phẩm <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu văn bản: nhật dụng - Phương thức biểu đạt: nghị luận chính trị xã hội. <p>II. PHÂN TÍCH.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bối cảnh trong nước và thế giới. 2. Phân tích điểm mạnh yếu của con người Việt Nam <ol style="list-style-type: none"> a. Điểm mạnh <ul style="list-style-type: none"> - Thông minh, cần cù - Đoàn kết - Thích ứng nhanh b. Điểm yếu <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng sáng tạo hạn chế, loay hoay cải tiến cái cũ. - Tâm lý ganh ghét “trâu buộc ghét trâu ăn”. - Tính bài trừ ngoại... <p>⇒ Lập luận khách quan, chân thực.</p> <p>III. TỔNG KẾT Ghi nhớ/sgk</p> <p>IV. Luyện tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập trong sgk.
<p>HƯỚNG DẪN TỰ HỌC</p> <p>CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG – TẬP LÀM VĂN</p>	
<p>HOẠT ĐỘNG 1: Xác định các sự việc hiện</p>	<p>- Nội dung tranh:</p>

<p>Hoạt động 2: Luyện tập.</p>	<p>Giới thiệu vấn đề trong đề bài</p> <p>Đánh giá khái quát về hiện tượng ở địa phương trong đề bài.</p> <p>+ Thân bài:</p> <p>Thực trạng vi phạm giao thông ở địa phương: đi sai làn đường, đi quá tốc độ, đi xe máy, xe đạp điện không đội mũ bảo hiểm, vượt đèn đỏ, đi hàng ba...</p> <p>Nguyên nhân: chủ quan: do người tham gia giao thông không nắm được luật giao thông, có người cố tình không thực hiện đúng...</p> <p>Hậu quả: tai nạn giao thông, hỏng phương tiện đi lại, bị thương, chết, tốn kém tiền của, ảnh hưởng đến tinh thần...</p> <p>Giải pháp khắc phục: nâng cao ý thức chấp hành luật giao thông, tuyên truyền, xử phạt...</p> <p>+ Kết bài: Khái quát lại vấn đề</p> <p>Đưa ra lời khuyên...</p> <p>- Bài viết phải có luận điểm, luận cứ, lập luận rõ ràng.</p> <ul style="list-style-type: none"> Luyện tập. Viết thành bài hoàn chỉnh.
KHỞI NGŨ	
<p>HOẠT ĐỘNG 1: Đọc các mục trong sách giáo khoa và thực hiện các câu hỏi được nêu ra.</p> <p>Rút ra bài học: thế nào là khởi ngữ? Đặc điểm? Chức năng?</p> <p>HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP</p>	<p>I. Đặc điểm và công dụng của khởi ngữ:</p> <p>1. Ví dụ:</p> <p>2. Nhận xét:</p> <p>- Bộ phận in đậm:</p> <p>+ đứng trước CN.</p> <p>+ Nêu đề tài được nói đến trong câu</p> <p>(có thể thêm Qht: về, đối với; ngăn cách với nòng cốt câu bởi dấu phẩy, hoặc trợ từ <i>thì</i>)</p> <p>=>Khởi ngữ</p> <p>Lưu ý:</p> <p>+ Trước KN: có thể thêm thêm Qht: <i>về, đối với</i>;</p> <p>+ Sau KN có thể thêm trợ từ <i>thì</i> hoặc dùng dấu phẩy (ngăn cách với nòng cốt câu).</p> <p>3. Ghi nhớ: (SGK)</p> <p>II. LUYỆN TẬP</p> <p>1. Bài tập 1:</p>

B. Là những nước đã giành được độc lập nhưng sau đó lại rơi vào vòng lệ thuộc của Mĩ.

C. Là những nước đã giành độc lập nhưng sau đó lại trở thành những nước thuộc địa của Mĩ.

D. Là những nước đã giành độc lập nhưng sau đó lại rơi vào vòng lệ thuộc của các nước thực dân phương tây.

Câu 9. Nước nào khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai?

A. Mĩ.

B. Anh.

C. Pháp.

D. Nhật.

Câu 11. Thành tựu quan trọng nào của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đã tham gia tích cực vào việc giải quyết vấn đề lương thực cho loài người?

A. Chinh phục vũ trụ.

B. “Cách mạng xanh” trong nông nghiệp.

C. Thông tin liên lạc.

D. Tìm ra nguồn năng lượng mới.

Câu 12. Điểm khác biệt cơ bản giữa cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai với cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ nhất là gì?

A. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt đầu từ nghiên cứu khoa học.

B. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.

C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều dựa vào các ngành khoa học cơ bản.

D. Mọi phát minh về kĩ thuật đều dựa vào lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 13. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Thời gian từ phát minh khoa học ứng dụng vào sản xuất ngày càng rút ngắn. Đó là đặc điểm của

A. Cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ nhất.

B. Cách mạng công nghiệp.

C. Cách mạng văn minh Tin học.

D. Cách mạng khoa học – kĩ thuật lần thứ hai.

Câu 14. Nhân loại đã trải qua hai cuộc cách mạng trong lĩnh vực khoa học - kĩ thuật đó là những cuộc cách mạng nào?

A. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học kĩ thuật thế kỉ XX.

B. Cuộc cách mạng kĩ thuật thế kỉ XVIII và cách mạng khoa học kĩ thuật thế kỉ XX.

C. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật thế kỉ XX.

D. Cuộc cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII - XIX và cuộc cách mạng công nghệ thế kỉ XX.

Câu 15. Nước nào mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ?

A. Mĩ.

B. Liên Xô.

C. Nhật.

D. Trung Quốc.

II. Phần Tư luận:

Bài 8:

Tình hình nước Mĩ sau CTTG II

- Công Nghiệp: Sản lượng chiếm hơn một nửa sản lượng thế giới (56.47%).

- Nông nghiệp: gấp 2 lần 5 nước Anh, Pháp, Tây Đức, Ý, Nhật Bản.

- Quân sự: Độc quyền vũ khí nguyên tử và có lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới tư bản .

- Tài chính: Nắm ¾ trữ lượng vàng của thế giới, là chủ nợ duy nhất trên thế giới.

-> trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới .

Nguyên nhân phát triển:

- Điều kiện tự nhiên thuận lợi

- Có sự phát triển khoa học kĩ thuật, buôn bán vũ khí

Bài 10: Sự thành lập Liên minh châu Âu (EU)

Thời gian	Thành lập
4-1951	"Cộng đồng than, thép châu Âu"
3-1957	"Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu" và "Cộng đồng kinh tế châu Âu" (EEC)
7-1967	"Cộng đồng châu Âu"(EC)

12-1991	Cộng đồng châu Âu (EC) đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU)
1-1999	Phát hành đồng tiền chung của Liên minh châu Âu là đồng EURO

Bài 11:**Vai trò và nhiệm vụ của Liên Hợp Quốc:**

- Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các nước trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng giữa các quốc gia.

- Duy trì hoà bình và an ninh thế giới, xóa bỏ chủ nghĩa thực dân, phân biệt chủng tộc, giúp đỡ các nước phát triển kinh tế.

-Việt Nam gia nhập LHQ vào 9/1977 là thành viên thứ 149

-Một số cơ quan chuyên môn của LHQ hoạt động tại Việt Nam :

UNICEF, UNESCO, FAO, WHO, IMF ..

Các xu thế phát triển của thế giới sau chiến tranh lạnh:

- Xu thế hòa hoãn và hòa dịu trong quan hệ quốc tế
 - Xác lập một trật tự thế giới mới đa cực, nhiều trung tâm
 - Các nước ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm
 - Ở nhiều khu vực lại xảy ra những vụ xung đột quân sự hoặc nội chiến
- Xu thế chung : hòa bình ổn định và hợp tác phát triển kinh tế

MÔN ĐỊA KHỐI 9 TUẦN 18

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9	ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ-HỌC KÌ I
Hoạt động 1: -HS cần đọc sgk và quan sát hình trong sách.	<p><u>I. TỰ LUẬN</u></p> <p>Câu 1: Trình bày điều kiện tự nhiên vùng Bắc Trung Bộ? Có sự khác biệt giữa phía bắc và phía nam dãy Hoàng Sơn. Từ tây sang đông: có núi, gò đồi, đồng bằng, biển và hải đảo.</p> <p>Câu 2: Nêu đặc điểm sản xuất công nghiệp vùng Bắc Trung Bộ? Phát triển công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng. Đang phát triển công nghiệp: chế biến gỗ, cơ khí, dệt, chế biến thực phẩm.</p> <p>Câu 3: Cho biết tên các trung tâm kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ? - Thanh Hóa, Vinh, Huế</p> <p>Câu 4: Trình bày vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ vùng Tây Nguyên? Tiếp giáp với: Lào, Cam-pu-chia, Đông Nam Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.</p> <p>Câu 5: Nêu đặc điểm phát triển ngành dịch vụ của vùng Tây Nguyên? Vùng có xuất khẩu nông sản lớn thứ hai cả nước. Du lịch sinh thái và du lịch văn hóa có điều kiện phát triển.</p> <p>Câu 6: Cho biết tên các trung tâm kinh tế của vùng Tây Nguyên? - Plây Ku, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt</p> <p>Câu 7. Nêu ý nghĩa vị trí địa lí của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ? -Là cầu nối giữa Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ, giữa Tây Nguyên và Biển Đông -Các đảo và quần đảo có tầm quan trọng về kinh tế và quốc phòng</p> <p>Câu 8. Tại sao du lịch là thế mạnh kinh tế của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ? -Đây là vùng giàu tài nguyên du lịch, phát triển nhiều loại hình du lịch, đặc biệt là tắm biển, nghỉ dưỡng... -Vị trí nằm trên trục giao thông Bắc – Nam, có các sân bay và nhiều cảng biển thu hút khách du lịch.</p> <p><u>II. KỸ NĂNG</u> Đọc: bảng số liệu. Vẽ biểu đồ: cột. Nhận xét.</p>
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự	-Xem lại các nội dung đã học.

học.	
------	--

MÔN ANH KHỐI 9 TUẦN 18

NỘI DUNG	GHI CHÚ																																																																																
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9	REVISION																																																																																
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	<p>A. Từ vựng + Word form: Unit 3, 4, 5</p> <p>B. Ngữ pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mệnh đề WISH - Giới từ thời gian - Mệnh đề Nguyên nhân – Kết quả - Câu tường thuật - Câu điều kiện 1 - Câu hỏi đuôi - Danh động từ 																																																																																
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	<p>C. Bài tập</p> <p>I. Phát âm</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td>1. A. rough</td> <td>B. sum</td> <td>C. utter</td> <td>D. union</td> </tr> <tr> <td>2. A. noon</td> <td>B. tool</td> <td>C. blood</td> <td>D. spoon</td> </tr> <tr> <td>3. A. chemist</td> <td>B. chicken</td> <td>C. church</td> <td>D. century</td> </tr> <tr> <td>4. A. thought</td> <td>B. tough</td> <td>C. taught</td> <td>D. bought</td> </tr> <tr> <td>5. A. pleasure</td> <td>B. heat</td> <td>C. meat</td> <td>D. feed</td> </tr> <tr> <td>6. A. chalk</td> <td>B. champagne</td> <td>C. machine</td> <td>D. ship</td> </tr> <tr> <td>7. A. knit</td> <td>B. hide</td> <td>C. tide</td> <td>D. fly</td> </tr> <tr> <td>8. A. put</td> <td>B. could</td> <td>C. push</td> <td>D. moon</td> </tr> <tr> <td>9. A. how</td> <td>B. town</td> <td>C. power</td> <td>D. slow</td> </tr> <tr> <td>10. A. talked</td> <td>B. naked</td> <td>C. asked</td> <td>D. liked</td> </tr> </table> <p>II. Trạng âm: Chọn từ có trạng âm khác với các từ còn lại</p> <table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td>1. a. visit</td> <td>b. become</td> <td>c. home</td> <td>d. deny</td> </tr> <tr> <td>2. a. suggestion</td> <td>b. beautiful</td> <td>c. constancy</td> <td>d. sympathy</td> </tr> <tr> <td>3. a. danger</td> <td>b. unselfish</td> <td>c. attraction</td> <td>d. machine</td> </tr> <tr> <td>4. a. careful</td> <td>b. dangerous</td> <td>c. cheap</td> <td>d. prevent</td> </tr> <tr> <td>5. a. detective</td> <td>b. romantic</td> <td>c. maths</td> <td>d. adventure</td> </tr> <tr> <td>6. a. export</td> <td>b. promise</td> <td>c. import</td> <td>d. rebel</td> </tr> <tr> <td>7. a. success</td> <td>b. excited</td> <td>c. divorce</td> <td>d. checkin</td> </tr> <tr> <td>8. a. modernize</td> <td>b. reliable</td> <td>c. incapable</td> <td>d. intention</td> </tr> <tr> <td>9. a. confidence</td> <td>b. supportive</td> <td>c. solution</td> <td>d. attractive</td> </tr> <tr> <td>10. a. politics</td> <td>b. geography</td> <td>c. senate</td> <td>d. playmate</td> </tr> </table> <p>III. Trắc nghiệm (từ vựng và ngữ pháp)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. How much time do you spend _____ the web a day? A. clicking B. skiing C. entering D. surfing 2. Do you find the internet _____, Nam? A. use B. used C. useful D. usefully 3. I don't like watching boxing matches on TV because they are _____. A. violent B. violence C. exciting D. interesting 4. The "Kien Thuc Ngay Nay" is _____ read by both teenagers and adults. A. wide B. widely C. widen D. widened 5. We can communicate with friends by _____ of e-mail. A. means B. paths C. methods D. uses 6. Many countries in Asia agreed to _____ diplomatic relations. A. give up B. set up C. deal with D. over come 7. It's not easy to _____ changes in technology. A. go with B. look through C. keep up with D. turn up 8. Some people applied for the job, but two of them were _____. A. turned down B. turned up C. turned on D. turned off 9. If I _____ in your shoes, I'd take it easy and try to forget it. 	1. A. rough	B. sum	C. utter	D. union	2. A. noon	B. tool	C. blood	D. spoon	3. A. chemist	B. chicken	C. church	D. century	4. A. thought	B. tough	C. taught	D. bought	5. A. pleasure	B. heat	C. meat	D. feed	6. A. chalk	B. champagne	C. machine	D. ship	7. A. knit	B. hide	C. tide	D. fly	8. A. put	B. could	C. push	D. moon	9. A. how	B. town	C. power	D. slow	10. A. talked	B. naked	C. asked	D. liked	1. a. visit	b. become	c. home	d. deny	2. a. suggestion	b. beautiful	c. constancy	d. sympathy	3. a. danger	b. unselfish	c. attraction	d. machine	4. a. careful	b. dangerous	c. cheap	d. prevent	5. a. detective	b. romantic	c. maths	d. adventure	6. a. export	b. promise	c. import	d. rebel	7. a. success	b. excited	c. divorce	d. checkin	8. a. modernize	b. reliable	c. incapable	d. intention	9. a. confidence	b. supportive	c. solution	d. attractive	10. a. politics	b. geography	c. senate	d. playmate
1. A. rough	B. sum	C. utter	D. union																																																																														
2. A. noon	B. tool	C. blood	D. spoon																																																																														
3. A. chemist	B. chicken	C. church	D. century																																																																														
4. A. thought	B. tough	C. taught	D. bought																																																																														
5. A. pleasure	B. heat	C. meat	D. feed																																																																														
6. A. chalk	B. champagne	C. machine	D. ship																																																																														
7. A. knit	B. hide	C. tide	D. fly																																																																														
8. A. put	B. could	C. push	D. moon																																																																														
9. A. how	B. town	C. power	D. slow																																																																														
10. A. talked	B. naked	C. asked	D. liked																																																																														
1. a. visit	b. become	c. home	d. deny																																																																														
2. a. suggestion	b. beautiful	c. constancy	d. sympathy																																																																														
3. a. danger	b. unselfish	c. attraction	d. machine																																																																														
4. a. careful	b. dangerous	c. cheap	d. prevent																																																																														
5. a. detective	b. romantic	c. maths	d. adventure																																																																														
6. a. export	b. promise	c. import	d. rebel																																																																														
7. a. success	b. excited	c. divorce	d. checkin																																																																														
8. a. modernize	b. reliable	c. incapable	d. intention																																																																														
9. a. confidence	b. supportive	c. solution	d. attractive																																																																														
10. a. politics	b. geography	c. senate	d. playmate																																																																														

	<p>A. are B. am C. were D. have</p> <p>10. This book has _____. A. 56 papers B. 56-papers C. 56 – paper D. 56 paper</p> <p>11. We are looking forward to_____you. A. see B. seeing C. look D. looking</p> <p>12. It's very kind _____you_____ say so! A. with/ to B. to/ to C. of/to D. from/ to</p> <p>13. I can complete a_____English if necessary. A. speak B. spoke C. spoken D. speaking</p> <p>14. She_____me if I could help her. A. asks B. asking C. asked D. will asked</p> <p>15. They_____him if they would come there the day after. A. ask B. asked C. say D. said to</p> <p>16. The restaurant has the_____for serving some of the finest food. A. repute B. reputed C. reputation D. reputable</p> <p>17. This year the only award for the_____students belong to him. A. better B. best C. good D. well</p> <p>18. We think that with our solidarity we can_____this difficulty. A. overtake B. overcome C. overgo D. overdo</p> <p>19. _____aspects of learning English do you find the most difficult? A. Where B. Why C. What D. When</p> <p>20. They couldn't pass the final _____. A. examine B. exames C. examiner D. examination</p>
--	---

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN KHỐI 9 TUẦN 18

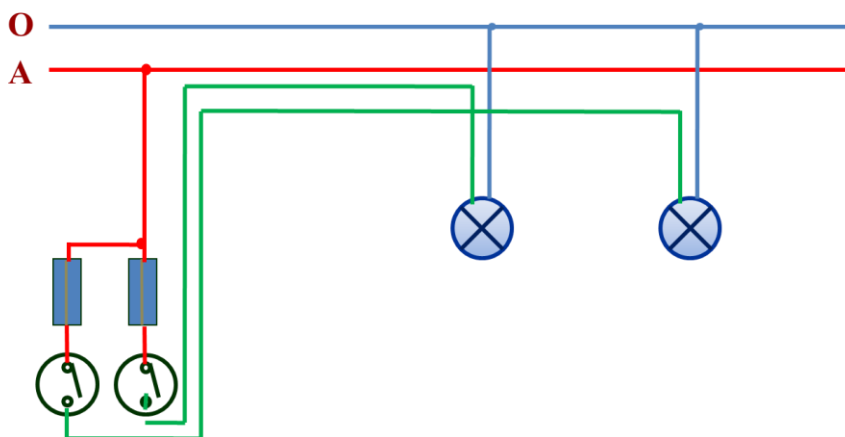
NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	ÔN TẬP THI CUỐI HỌC KÌ
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	<p>Câu 1. Thế nào là hợp tác ? -Hợp tác là cùng chung sức làm việc, giúp đỡ nhau trong công việc vì lợi ích chung.</p> <p>Câu 2. Hợp tác phải dựa trên cơ sở: + Bình đẳng; + Hai bên cùng có lợi; + Không phương hại đến lợi ích người khác.</p> <p>Câu 3. Rèn luyện tinh thần hợp tác: -Quan tâm, có thái độ hữu nghị, đoàn kết với người nước ngoài. -Giữ gìn phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam trong giao tiếp. -Tham gia hoạt động hợp tác trong học tập, lao động.</p> <p>Câu 4. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là -Những giá trị tinh thần (tu tưởng, lối sống, cách ứng xử..) hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.</p> <p>Câu 5. Những truyền thống tốt đẹp của dân tộc: -Yêu nước, bất khuất chống giặc ngoại xâm, đoàn kết, nhân nghĩa,</p>

	<p>cần cù lao động, hiếu học, tôn sư trọng đạo, hiếu thảo....</p> <p>Câu 6 . Biểu hiện của năng động sáng tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luôn say mê tìm tòi, phát hiện, linh hoạt xử lý các tình huống trong học tập., lao động công tác. <p>Câu 7. Ý nghĩa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là phẩm chất cần thiết của ng lao động. - Giúp con người vượt qua khó khăn thử thách. - Con người làm nên những kì tích vẻ vang, mang lại niềm vinh dự cho bản thân, gia đình và đất nước. <p>Câu 8. Cách rèn luyện tính năng động sáng tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện tính siêng năng, cần cù, chăm chỉ. - Biết vượt qua khó khăn, thử thách. - Tìm ra cái tốt nhất, khoa học để đạt mục đích. - Vận dụng những điều đã biết vào cuộc sống <p>*Xem lại các bài tập trong SGK bài 6,7,8</p>
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p>Dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - HỌC SINH HỌC THUỘC NỘI DUNG ÔN TẬP

MÔN CÔNG NGHỆ KHỐI 9 TUẦN 18

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9</p>	<p>ÔN TẬP HK I</p>
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu. (1 tiết)</i></p>	<p>MẠCH ĐIỆN 2 CÔNG TẮC 2 CỰC ĐIỀU KHIỂN 2 ĐÈN</p> <p>1 . Vẽ sơ đồ lắp đặt .</p> <p>a. Tìm hiểu sơ đồ nguyên lí mạch điện</p> <div data-bbox="600 1581 1219 2056" data-label="Diagram"> </div> <p><i>Hình 8 - 1. Sơ đồ nguyên lí mạch điện.</i></p>

b. Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện



2. Lập bảng dự trữ dụng cụ, vật liệu và thiết bị.

STT	Dụng cụ, vật liệu và thiết bị	Số lượng
1	Cầu chì	2
2	Công tắc 2 cực	2
3	Đui đèn	2
4	Bóng đèn tròn	2
5	Phích cắm	1
6	Băng keo cách điện	1
7	Dây dẫn điện	3m

MẠCH ĐIỆN BẢNG ĐIỆN

1. Tìm hiểu chức năng bảng điện .

+ Trên bảng điện thường lắp những thiết bị đóng cắt, bảo vệ và lấy điện của mạng điện.

+ Có 2 loại bảng điện : bảng điện chính và bảng điện nhánh .

+ Bảng điện chính có nhiệm vụ cung cấp điện cho toàn bộ hệ thống điện trong nhà. trên bảng điện chính có lắp cầu dao, cầu chì (hoặc aptomat tổng) .

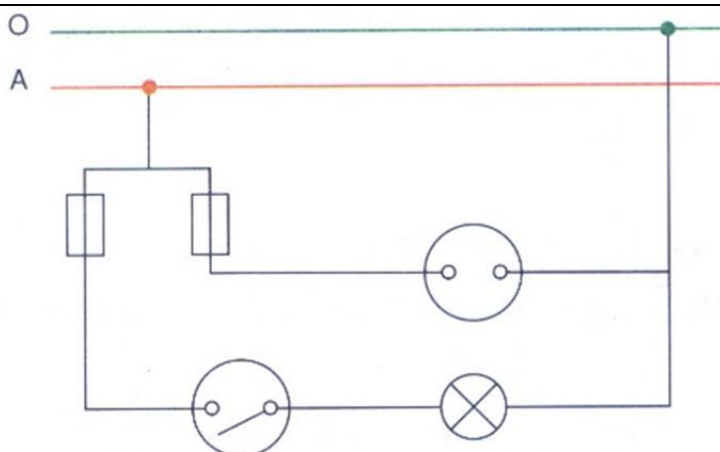
+ Bảng điện nhánh có nhiệm vụ cung cấp điện tới đồ dùng điện . Trên bảng điện nhánh có lắp công tắc (hoặc aptomat), ổ cắm điện, hộp quạt số, ...

+ Kích thước của bảng điện phụ thuộc số lượng và kích thước của các thiết bị lắp trên đó.

2. Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện .

a. Tìm hiểu sơ đồ nguyên lí

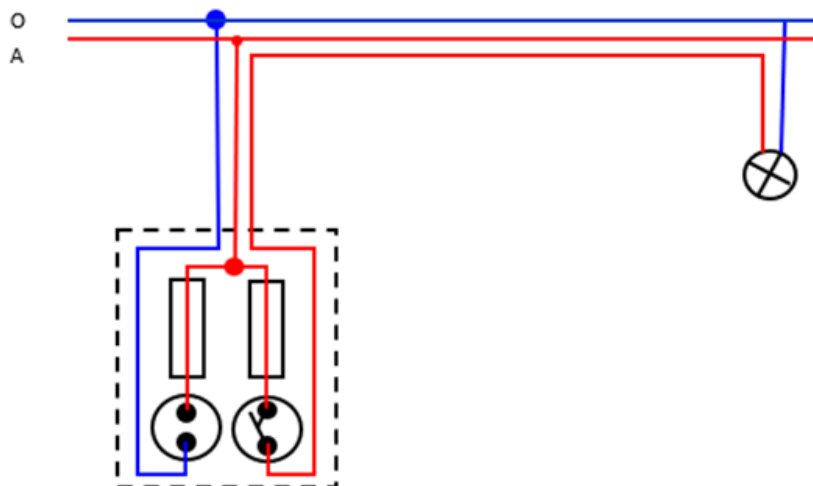
+ Trước khi vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện cần phải nghiên cứu sơ đồ nguyên lí .



b. Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện

Trước khi vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện cần xác định một số yếu tố sau :

- + Mục đích sử dụng, vị trí lắp đặt bảng điện .
- + Vị trí, cách lắp đặt các phần tử của mạch điện .
- + Phương pháp lắp đặt dây dẫn : lắp đặt nổi hay chìm .
- + Các bước tiến hành khi vẽ sơ đồ lắp đặt :
- + Vẽ đường dây nguồn .
- + Xác định vị trí để bảng điện, bóng đèn .
- + Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện .
- + Vẽ đường dây dẫn điện theo sơ đồ nguyên lí



Hoạt động 2:
Học sinh làm bài tập, thực hành và nộp bài thực hành (2 tiết)

Tập vẽ sơ đồ nguyên lý của 2 mạch đèn trên

MÔN ÂM NHẠC KHỐI 9 TUẦN 18

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 9	<ul style="list-style-type: none"> ❖ ÂNTT: CA KHÚC THIẾU NHI PHỔ THƠ ❖ NHẠC LÝ: SƠ LƯỢC VỀ HỢP ÂM

<p>Hoạt động 1: Tìm hiểu về ca khúc thiếu nhi phổ thơ (Hs ghi bài vào vở) * HS chỉ ghi 2 hoặc 3 ví dụ trong số các ca khúc thiếu nhi được giới thiệu trong SGK)</p>	<ul style="list-style-type: none"> ● Âm nhạc thường thức: <p style="text-align: center;">Âm nhạc thường thức CA KHÚC THIẾU NHI PHỔ THƠ</p> <p>Ca khúc thiếu nhi có nhiều bài được hình thành từ những bài thơ. Các nhạc sĩ đã tìm cảm hứng từ bài thơ để sáng tác thành bài hát. Phổ nhạc theo thơ là một phương pháp sáng tác bài hát được sử dụng có hiệu quả và khá phổ biến.</p> <p>Trong dân ca Việt Nam hầu hết các làn điệu được hình thành từ những câu thơ.</p> <p>Ví dụ : Bài <i>Lí cây bông</i> bắt nguồn từ câu thơ :</p> <p style="text-align: center;"><i>Bông xanh, bông trắng, bông vàng</i> <i>Bông lê, bông lựu, dố nằng mấy bông.</i></p> <p>hoặc :</p> <p style="text-align: center;"><i>Trúc xinh trúc mọc bờ ao</i> <i>Em xinh em đứng nơi nào cũng xinh.</i></p> <p style="text-align: right;">(Bài <i>Cây trúc xinh</i> - dân ca quan họ Bắc Ninh)</p> <p>Trong các ca khúc thiếu nhi có khá nhiều ca khúc phổ thơ. Ví dụ :</p> <p><i>Hạt gạo làng ta</i> (Thơ : Trần Đăng Khoa - Nhạc : Trần Việt Bình) <i>Bụi phấn</i> (Thơ : Lê Văn Lộc - Nhạc : Vũ Hoàng) <i>Đi học</i> (Thơ : Minh Chính - Nhạc : Bùi Đình Thảo) <i>Bác Hồ - Người cho em tất cả</i> (Thơ : Phong Thu - Nhạc : Hoàng Long - Hoàng Lân) <i>Tia nắng, hạt mưa</i> (Thơ : Lê Bình - Nhạc : Khánh Vinh) <i>Cho con</i> (Thơ : Tuấn Dũng - Nhạc : Phạm Trọng Cầu) <i>Đàn đồng ca mùa hạ</i> (Thơ : Nguyễn Minh Nguyên - Nhạc : Lê Minh Châu).</p>
<p>Hoạt động 2: Thực hành nghe một số CKTN phổ thơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nghe / tự hát một số bài hát quen thuộc như: “Bụi phấn”, “Đi học”, “Tia nắng, hạt mưa”,... - Vừa nghe vừa gõ đệm theo bài hát - Các đường link: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Bụi phấn: https://youtu.be/okbR0hVpSg0 ✓ Đi học: https://youtu.be/3RalDqjwUKQ ✓ Tia nắng, hạt mưa: https://youtu.be/Sb51NPIsboA
<p>Hoạt động 3: Nhạc lý : HS tìm hiểu về các loại hợp âm 3, hợp âm 7 (ghi vào vở)</p>	<ul style="list-style-type: none"> ● Sơ lược về hợp âm

Nhạc lí

SƠ LƯỢC VỀ HỢP ÂM

1. Hợp âm

Hợp âm là sự vang lên đồng thời của ba, bốn hoặc năm âm cách nhau một quãng 3.

Ví dụ :



2. Một số loại hợp âm

a) Hợp âm ba : gồm có ba âm, các âm cách nhau quãng 3. Hai âm ngoài cùng tạo thành quãng 5.

Ví dụ : Hợp âm ba



[Âm Đô và âm Mi cách nhau 1 quãng 3 trưởng.

[Âm Mi và âm Son cách nhau 1 quãng 3 thứ.

[Âm Đô và âm Son cách nhau 1 quãng 5 đúng.

Tuỳ theo cách sắp xếp các quãng ba trưởng, ba thứ mà tạo thành các hợp âm trưởng, hợp âm thứ và các hợp âm khác.

Ví dụ : Hợp âm ba trưởng, hợp âm ba thứ



b) Hợp âm bảy : gồm có bốn âm, các âm cách nhau theo quãng 3. Hai âm ngoài cùng tạo thành quãng 7.

Ví dụ : Hợp âm bảy



Hoạt động 4: Thực hành nghe nhạc

- Nghe và phân biệt hợp âm 3 trưởng, hợp âm 3 thứ.
- Nghe và phân biệt hợp âm 3 và hợp âm 7